TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **04**/2026/DS-ST
Ngày: 05/01/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Tài

2. Ông Võ Nhân Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 44/2025/TLST-DS ngày 03/10/2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2025/QĐ-ST ngày 09 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2025/QĐST-DS ngày 23/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Triệu Quốc G, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số nhà C ấp C, xã M, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

Ông Phạm Kim C, sinh năm 1972; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị K, sinh năm 1975; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Phước Lý, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1976; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Kim C trình bày:

Vào ngày 14/8/2019, anh Triệu Quốc G có cho vợ chồng bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn M vay số tiền là 250.000.000 đồng, thời gian cho vay không xác định, khi nào anh G cần thu hồi tiền vay thì báo cho vợ chồng bà K, ông M trước 30 ngày thì vợ chồng bà K, ông M phải có nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi cho anh G, lãi suất cho vay là 01%/tháng, mục đích bà K, ông M vay tiền để trả tiền vay Ngân hàng.

Đến tháng 6/2022, anh G đã thông báo cho bà K, ông M biết trong tháng 7/2022 phải thanh toán tiền vay gốc nhưng bà K, ông M không trả mặc dù anh G đã nhiều lần yêu cầu.

Theo nội dung đơn khởi kiện anh G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà K, ông M phải liên đới hoàn trả số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ tháng 6/2022 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án theo mức lãi suất là 01%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu thời gian tính lãi và mức lãi suất tính theo quy định pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn bà Võ Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà K, ông M không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Đối với người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần hai không có lí do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà K, ông M.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Quốc G.

Buộc bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Triệu Quốc G số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/06/2025 đến ngày toà án xét xử vụ án với mức lãi suất là 10%/năm.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thu thập chứng cứ các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà; quan điểm của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của anh Triệu Quốc G, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Kim C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Võ Thị K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không có lí do, không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà K, ông M.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Đối với số tiền vay:

Nguyên đơn cho rằng, anh G có cho bà K, ông M vay số tiền là 250.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập "Hợp đồng vay tài sản" ngày 14/8/2019, bà K, ông M có ký tên xác nhận tại mục Bên B (Bên nhận vay). Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà K, ông M đã không thực hiện đúng thỏa thuận trả tiền nên anh G khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là "Hợp đồng vay tài sản" ngày 14/8/2019 nội dung văn bản này thể hiện bà K, ông M có vay của anh G số tiền 250.000.000 đồng, tại mục Bên B của "Hợp đồng vay tài sản" ngày 14/8/2019 thì bà K và ông M đều có ký tên xác nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời bà K, ông M đến tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông, bà không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Đồng thời, bà K, ông M cũng đã được tống đạt hợp lệ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp nhưng ông, bà không có văn bản trình bày ý kiến hay phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ này. Như vậy, có cơ sở xác định bà K, ông M cũng thống nhất với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và thừa nhận có vay của anh G số tiền 250.000.000 đồng. Mặc dù, tại mục "Bên nhận vay" chỉ ghi tên bà K nhưng tại mục "Bên B" tại cuối văn bản thì ông M cũng có cùng ký tên với bà K nên xác định số tiền vay trên là do bà K, ông M cùng vay nên nguyên đơn yêu cầu bà K, ông M có nghĩa vụ liên đới trả tiền là có cơ sở chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà K, ông M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả khoản tiền vay này. Do đó, buộc bà K, ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho anh G số tiền vay gốc là 250.000.000 đồng.

[2.2]. Đối với số tiền lãi:

Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 06/2022 đến ngày Toà án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 1%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu thời gian tính lãi và mức lãi suất tính theo quy định pháp luật.

Thấy rằng, theo nội dung "Hợp đồng vay tài sản" ngày 14/8/2019, chỉ thể hiện ngày bắt đầu vay là ngày 14/8/2019, không thể hiện thoả thuận thời hạn vay giữa các bên. Bị đơn không có lời trình bày về nội dung này. Nguyên đơn cho rằng, khi nào anh G có nhu cầu thu hồi vốn sẽ báo trước 30 ngày nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này và cũng không chứng minh được đã thông báo cho bà K, ông M biết phải có nghĩa vụ trả tiền vào tháng 6/2022. Ngày 30/06/2025, anh G khởi kiện tại Toà án nên xác định thời điểm anh G có yêu cầu trả tiền là ngày khởi kiện. Từ sau ngày anh G khởi kiện đến nay bà K, ông M vẫn chưa trả xong khoản tiền vay cho anh G nên đã vi phạm nghĩa trả tiền.

Tại Điều 357 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: " 1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả."

Do bà K, ông M vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về mức lãi suất yêu cầu:

Nguyên đơn cho rằng hai bên không có thoả thuận lãi suất chậm thanh toán, bị đơn không có lời trình bày về nội dung này.

Căn cứ khoản 2, điều 357 quy định: "2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này."

Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán nên căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự xác định mức lãi suất là 10%/năm.

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật nên xác định lãi suất vay là 10%/năm.

Về thời gian tính lãi chậm thanh toán:

Nguyên đơn yêu cầu tính thời gian tính lãi theo quy định pháp luật, như đã phân tích, đến ngày 30/06/2025 thì bà K, ông M phải có nghĩa vụ trả tiền cho anh G nhưng bà K, ông M không thực hiện nên ngày tính lãi chậm trả được xác định từ ngày 30/06/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án là ngày 05/01/2026 với thời gian là 06 tháng 05 ngày.

Số tiền lãi chậm trả là: 250.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng 05 ngày = 12.843.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi bà K, ông M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh G là: 250.000.000 đồng + 12.843.000 đồng = 262.843.000 đồng.

Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền: 262.843.000 đồng x 5% = 13.142.000 đồng bà K, ông M phải có nghĩa vụ liên đới chịu.

H lại cho anh G số tiền tạm ứng án phí là 8.437.000 đồng theo biên lai thu số 0004131 ngày 03/10/2025 cuảThi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Quốc G đối với bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn M.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Triệu Quốc G số tiền 262.843.000 đồng, trong đó tiền gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi là 12.843.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 13.142.000 đồng bà Võ Thị K, ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới chịu.

H lại cho anh Triệu Quốc G số tiền tạm ứng án phí là 8.437.000 đồng theo biên lai thu số 0004131 ngày 03/10/2025 cuả Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến